

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST  
Ngày 13-4-2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hòe.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Mai Thanh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2020/TLST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xóm 17, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Hương L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm 17, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Đình CH, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xóm 17, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H có mặt; chị L, ông CH vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-12-2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị H và chị L ở gần nhà, cùng xóm xã nên có qua lại chơi với nhau. Trong năm 2018, chị H đã cho chị L vay tổng số tiền 1.200.000.000đ, vay làm 3 lần, cụ thể các lần như sau:

- Ngày 17/01/2018 chị H cho chị L vay số tiền 400.000.000đ;
- Ngày 28/6/2018 chị H cho chị L vay số tiền 100.000.000đ;
- Ngày 26/7/2018 chị H cho chị L vay số tiền 700.000.000đ

Cả ba lần vay, chị L là người trực tiếp đến hỏi và nhận tiền vay từ chị H, không có ai chứng kiến. Khi vay, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 10%/tháng; khi nào chị H cần tiền thì chị L phải trả nợ. Từ khi vay, chị L chưa trả gốc và lãi cho chị H. Đầu năm 2019, do cần tiền kinh doanh, chị H đòi nợ nhưng chị L khất lần không trả. Ngày 09-3-2019, chị H đã sang nhà chị L chốt sổ; hai bên thống nhất viết vào một giấy biên nhận với các nội dung: Tổng số tiền chị L vay chị H là 1.200.000.000đ; thời hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 09-4-2019. Để đảm bảo khoản vay, chị L còn đồng ý đưa chị H giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên ông Đỗ Ngọc Mai, khi nào chị L thanh toán xong các khoản nợ cho chị H thì chị H trả lại GCNQSDĐ này cho chị L. Giấy biên nhận có chữ ký bên vay là chị Đỗ Thị L và bên cho vay là chị Trần Thị H. Trong giấy biên nhận, tại cuối trang 3, chị L tự tay viết nội dung: “Đỗ Thị L đã công nhận vay của chị Trần Thị H số tiền 1.200.000.000đ và chị Trần Thị H có cầm một quyền sổ đỏ mang tên Đỗ Ngọc Mai”. Tại buổi chốt nợ, viết giấy biên nhận ở nhà chị L còn có sự chứng kiến của ông Đỗ Đình CH là chú ruột chị Mai và bà Mai Thị Mận là mẹ đẻ chị L. Ông Đỗ Đình CH, bà Mai Thị Mận đã ký, điểm chỉ vào giấy biên nhận này.

Hết hạn, chị L không trả nên chị H đến UBND xã HH tìm hiểu thì được biết chị L là con gái ông Mai, bà Mận có tên thường gọi là Đỗ Thị L nhưng giấy tờ nhân thân do cơ quan Nhà nước quản lý họ tên đầy đủ là Đỗ Thị Hương L.

Sở dĩ, trong giấy biên nhận chị H viết tên người vay là Đỗ Thị L vì là hàng xóm, tin tưởng nhau nên khi cho vay, chị H không yêu cầu chị L xuất trình giấy tờ tùy thân. Cả ba lần vay trước khi chốt nợ, khi vay mượn tiền của chị H, chị L đều ký nhận tên người vay là Đỗ Thị L; ngày 09/3/2019, khi chị H viết giấy biên nhận người vay là Đỗ Thị L thì chị L, bà Mận, ông CH cũng không ai có ý kiến gì; chị L cũng tự tay viết, ký nhận Đỗ Thị L. Như vậy, chị Đỗ Thị L vay tiền của chị H còn có tên gọi đầy đủ là chị Đỗ Thị Hương L.

Nay đã hết hạn được 01 năm nhưng chị L vẫn không có ý thức trả nợ nên chị H yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả chị H số nợ gốc 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), nợ lãi từ ngày chốt nợ 01-4-2019 cho đến nay với lãi suất 10%/năm.

Tại bản tự khai ngày 01-4-2021, chị Đỗ Thị Hương L trình bày: Chị L không vay tiền của chị Trần Thị H. Giấy biên nhận vay tiền ngày 09-3-2019 chị H nộp cho Tòa án là do chị H tự ý viết, không hỏi ý kiến chị và bắt chị ký vào phần người vay. Chị L công nhận đã tự tay ghi vào phần cuối trang 3 và cuối trang 4 các nội dung sau: “Đỗ Thị L đã công nhận vay của chị Trần Thị H số tiền 1.200.000.000đ và chị Trần Thị H có cầm một quyền sổ đỏ mang tên Đỗ Ngọc Mai” và “Đỗ Thị L công nhận hai vân tay là của mẹ tôi đã điểm chỉ vào giấy ngày 9/3/2019. Nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật”.

Ngoài ra, chữ “L, Đỗ Thị L” trong giấy biên nhận là chữ viết, chữ ký của chị nhưng là do chị H yêu cầu chị viết những nội dung này. Do đó, chị L không nhất trí trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của chị H.

Tại đơn đề nghị của chị Trần Thị H, đại diện Ủy ban nhân dân xã HH xác nhận: Chị Đỗ Thị Hương L, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú tại xóm 17, xã HH, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là con đẻ của ông Đỗ Ngọc Mai và bà Mai Thị Mận, hiện ông Mai, bà Mận đều đã chết.

Tại đơn trình bày, người làm chứng ông Đỗ Đình CH là em trai ông Đỗ Ngọc Mai, chú ruột chị Đỗ Thị Hương L công nhận có nghe được nội dung chị L vay của chị H số tiền 1.2000.000.000đ. Ông CH không chứng kiến việc các bên giao tiền nhưng công nhận việc chị L tự nguyện thế chấp GCNQSDĐ của bố đẻ là ông Đỗ Ngọc Mai cho chị H, bà Mai Thị Mận là mẹ đẻ chị L cũng điếm chỉ để xác nhận. Nay chị H khởi kiện, ông Mai đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ ý kiến, quan điểm như đã trình bày nhưng xin rút một phần yêu cầu, không yêu cầu Tòa án tính lãi đối với khoản vay gốc 1.200.000.000đ của chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Đỗ Thị Hương L vắng mặt tại phiên tòa được mở lần hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1. *Về hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị H và chị Đỗ Thị Hương L:* Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng, bản gốc “Giấy biên nhận” do chị H xuất trình, người vay là Đỗ Thị L trong khi đó họ tên đầy đủ của chị L phải là Đỗ Thị Hương L nên người vay tiền của chị H không phải là chị. Tuy vậy, chị L vẫn công nhận chữ viết, chữ ký phần người vay trong giấy biên nhận “L, Đỗ Thị L” là chữ viết, chữ ký của chị. Phần nội dung viết ở cuối trang 3 “Đỗ Thị L đã công nhận vay của chị Trần Thị H số tiền 1.200.000.000đ và chị Trần Thị H có cầm một quyển sổ đỏ mang tên Đỗ Ngọc Mai” và nội dung viết ở cuối trang 4: “Đỗ Thị L công nhận hai vân tay là của mẹ tôi đã điếm chỉ vào giấy ngày 9/3/2019. Nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật” của giấy biên nhận do chị H nộp là do chị viết. Nhưng chị L viết những nội dung trên và ký vào giấy biên nhận là theo yêu cầu của chị H, do chị H đọc cho chị L viết. Chị H không thừa nhận lời khai của chị L; chị L không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc viết và ký vào giấy biên nhận do bị ép buộc, không tự nguyện.

Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HH, lời khai của các đương sự, người làm chứng đã có đủ cơ sở xác định: Chị Đỗ Thị L ghi trong “Giấy biên nhận” ngày 03-9-2019 do chị H xuất trình và chị Đỗ Thị Hương L, sinh năm

1983, địa chỉ xóm 17 xã HH, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là một người. Do trong giấy biên nhận, chị L thừa nhận có vay của chị H số tiền 1.200.000.000đ, đến nay chị L không chứng minh được việc viết giấy là do bị ép buộc, không chứng minh được việc đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc chị L phải có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay gốc 1.200.000.000đ là phù hợp pháp luật.

## *2.2. Về lãi suất:*

Mặc dù trong “Giấy biên nhận ngày 09-3-2019 có ghi nội dung “..lãi suất theo thỏa thuận...” nhưng không ghi cụ thể thỏa thuận là bao nhiêu. Quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày các bên thỏa thuận miệng lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, từ khi chốt nợ đến nay, chị L chưa trả lãi cho chị H. Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu chị L phải trả lãi. Xét việc rút một phần yêu cầu của chị H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật cần chấp nhận.

*[3] Về án phí:* Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H kiện đòi nợ đối với chị Đỗ Thị Hương L là hợp pháp.

2. Buộc chị Đỗ Thị Hương L phải trả cho chị Trần Thị H số tiền vay gốc 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu buộc chị Đỗ Thị Hương L phải trả lãi đối với khoản nợ gốc 1.200.000.000đ của chị Trần Thị H.

4. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc chị Đỗ Thị Hương L phải nộp **48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

- Hoàn lại cho chị Trần Thị H số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002467 ngày 31-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Thành Thái Nguyễn Ngọc Chinh**

**Ngô Thị Hòe**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**